

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2024/DS-PT
Ngày 02 - 5 - 2024
Về việc tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Nguyễn Hữu Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2024/DS-PT ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1386/2024/QĐPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Thị Diễm A, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số C, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Mai Văn R, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số A, đường N, khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 26/10/2020); (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số D, Phan Văn T, khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Bà Trần Thị Mai T1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số D khu phố D, phường P, Thành phố B, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 23/4/2024); (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Anh T2 – Văn phòng luật sư Nguyễn Anh T2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1965; (ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 02/5/2024). Địa chỉ: Số D, Phan Văn T, khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Dương Văn H, sinh năm 1975; (ông H có yêu cầu xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Số C, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Huỳnh Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm

Vào ngày 02/7/2019 (nhằm ngày 30/5/2019 âm lịch) bà Tô Thị Diễm A có cho bà Huỳnh Thị C vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay đến cuối tháng 08 hoặc đầu tháng 9 năm 2019 sẽ trả tiền. Sau khi vay tiền bà C không có đóng lãi cho bà A. Khi vay hai bên có lập biên nhận nợ viết tay “ngày 30/05/2019AL”. Biên nhận nợ này từ “ngày 30/05/2019 AL” đến “Đầu tháng 9 trả lại” do ông Huỳnh Thanh T3 (cháu ruột bà C) viết dùm, riêng chữ ký và ghi họ tên “Huỳnh Thị C” là do bà C ký và viết họ tên.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn xác định số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) là tài sản chung của bà A và chồng là ông Dương Văn H. Đồng thời, số tiền 100.000.000 đồng bà C vay tiền để làm ăn phát triển kinh tế gia đình và trong thời gian hôn nhân với ông Huỳnh Văn P. Do đó, bà A yêu cầu bà C, ông P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A, ông H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình tố tụng, bản tự khai ngày 14/12/2020 và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị C trình bày:

Bà C không có giao kết hợp đồng vay nào với bà Tô Thị Diễm A vào ngày 02/7/2019 (nhằm ngày 30/5/2019 âm lịch). Trước đây bà có đến nhà của bà Diễm A khoảng tháng 12/2019 âm lịch để hỏi vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Hai bên giao kết bằng lời nói và nói là khi nào cần tiền sẽ đến báo trước 03 ngày cho phía bà A. Lúc đó, bà Diễm A có nói khi nào bà C có nhu cầu cần tiền thì mới nhận tiền từ bà A, chứ chưa có nhu cầu mà nhận tiền sớm thì phải chịu lãi suất. Mặc dù hai bên có thỏa thuận giao kết hợp đồng vay nhưng thực tế bà C không có nhận tiền của bà A và cũng không có ký bất kỳ biên nhận nào của bà A. Khoản 03 ngày sau, ông Huỳnh Thanh T3 (cháu ruột bà C) đem đến nhà bà

C số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) và nói đây là tiền bà A đưa cho bà C. Bà C không đồng ý do sợ ông T3 sẽ xài hết số tiền 65.000.000đồng nên bà C cùng con bà C là ông Huỳnh Trọng Á (sinh năm 1991), ông T3 đến nhà của bà A trả tiền lại. Lúc này mới biết bà A đưa cho ông T3 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nhưng ông T3 tự ý lấy 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Nên bà C không đồng ý vay tiếp mà trả lại số tiền 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) cho bà A. Bà C khẳng định ngoài vụ việc trên bà C không có giao kết với bà Diễm A hợp đồng vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nào khác. Ông Huỳnh Văn P là chồng bà C và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hiện tại cùng đang chung sống với nhau, vợ chồng bà làm nghề bán bánh bao tại địa phương. Việc tranh chấp của bà C và bà A hoàn toàn không liên quan gì đến ông P.

Tại phiên tòa, bà C không đồng ý trả cho bà A, ông H số tiền vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Cũng như không đồng ý để ông P liên đới với bà C trả nợ cho bà A, ông H nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà C yêu cầu giám định chữ ký, ghi họ tên “Huỳnh Thị C” tại V trực thuộc Bộ C2 vì bà C cho rằng không có ký nhận tờ giấy vay mượn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) của bà Tô Thị Diễm A đã cung cấp làm căn cứ khởi kiện bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Mai Văn T4 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của bà Huỳnh Thị C để giám định chữ viết trong nội dung biên nhận nợ ngày 02/7/2019 (nhằm ngày 30/5/2019 âm lịch), giám định thời điểm viết và màu mực trong cùng một biên nhận nợ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của bị đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc nghĩa vụ liên đới trả cho ông và bà A số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) đồng cho bà A, ông H.

Tại bản tự khai ngày 11/10/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn H trình bày: Vào ngày 02/7/2019 (ngày 30/05/2019 âm lịch), bà Diễm A có cho bà C vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay đến cuối tháng 08 hoặc đầu tháng 9 năm 2019 sẽ trả tiền. Ông yêu cầu bà C và ông P có nghĩa vụ liên đới trả cho ông và bà A số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn P vắng mặt không lý do.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri quyết định:

Căn cứ các Điều 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Diễm A. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tô Thị Diễm A, ông Dương Văn H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 3 năm 2024, bị đơn bà Huỳnh Thị C kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xem xét cho bà được miễn án phí do bà là người cao tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Huỳnh Thanh T3 tham gia tố tụng là có thiếu sót (vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự) vì ông T3 là người viết giấy nợ, số tiền mượn 100.000.000 đồng có liên quan đến ông Huỳnh Thanh T3. Mặt khác, việc đính chính giám định không do giám định viên là bà Nguyễn Thị Ngọc A1 đính chính mà do ông Nguyễn Thanh T5 đính chính là không phù hợp; Có tình tiết của vụ án mới phát sinh liên quan đến Huỳnh Thanh T3 viết dùm biên nhận mượn tiền mà nội dung kết luận giám định trước đó chưa rõ, chưa đầy đủ nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định bổ sung để làm rõ vụ án; Có mâu thuẫn lời khai của các đương sự, nhưng Tòa sơ thẩm không tiến hành cho đối chất giữa các đương sự để làm rõ sự thật của vụ án, cụ thể chưa có đối chất giữa bà Diễm A, bà C, anh T3 để làm rõ bà C có trực tiếp mượn tiền của bà Diễm A không; bà Diễm A có đưa trực tiếp số tiền 100 triệu đồng cho bà C không; bà Diễm A đưa cho Huỳnh Thanh T3 65 triệu đồng hay 100 triệu đồng. Tòa sơ thẩm cũng không tiến hành đối chất giữa bà Huỳnh Thị C và anh Huỳnh Thanh T3 về việc bà C có ủy quyền cho anh T3 viết biên nhận mượn tiền và nhận tiền mượn của bà Diễm A hay không; số tiền nhận dùm là 100 triệu đồng hay 65 triệu đồng. Ngoài ra, bà C sinh năm 1953, đã 71 tuổi, là người cao tuổi, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Huỳnh Thị C thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà C nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là không phù hợp.

Về nội dung: Quyết định của bản án sơ thẩm là không có căn cứ pháp luật. Bởi lẽ:

Quan hệ hợp đồng mượn tiền là hợp đồng đơn vụ (không có giao kết hợp đồng giữa hai bên, chỉ có cam kết của người mượn tiền; không thể hiện vợ chồng bà Huỳnh Thị C mượn tiền, vì mục đích gì; bà Tô Thị Diễm A đưa số tiền mượn cho Huỳnh Thanh T3, không trực tiếp đưa số tiền mượn cho bà C). Do đó, không có căn cứ buộc vợ chồng bà Huỳnh Thị C trả 100 triệu đồng cho vợ chồng bà Tô Thị Diễm A.

Chưa xác định được số tiền mượn mà bà Tô Thị diễm A2 đưa cho Huỳnh Thanh T3 (bà A2 nói 100 triệu đồng, Huỳnh Thanh T3 nói nhận 65 triệu đồng). Từ đó buộc Huỳnh Thanh T3 trả tiền cho bà A2. Vì bà A2 không trực tiếp đưa tiền cho bà C, nên bà C không có trách nhiệm trả số tiền này.

Do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ; căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DSST ngày 26/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Ba Tri giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị C; sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà C chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (do bà C thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; buộc ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.500.000 đồng; các nội dung khác của quyết định bản án sơ thẩm đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị C, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thị C kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn bà Tô Thị Diễm A khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị C và

ông Huỳnh Văn P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Diễm A số tiền vay 100.000.000 đồng. Bà C không đồng ý trả cho bà Tô Thị Diễm A, ông Dương Văn H số tiền vay 100.000.000 đồng do bà C cho rằng bà không có vay tiền của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Diễm A; buộc bà C và ông P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tô Thị Diễm A, ông Dương Văn H số tiền vay 100.000.000 đồng. Do không đồng ý bản án sơ thẩm, bà C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị C:

[2.1] Nguyên đơn bà Tô Thị Diễm A cho rằng vào ngày 02/7/2019 (nhằm ngày 30/5/2019 âm lịch) bà C có vay của bà số tiền 100.000.000 đồng, khi vay tiền hai bên có lập biên nhận nợ viết tay “ngày 30/05/2019 AL”. Biên nhận nợ này từ “ngày 30/05/2019 AL” đến “Đầu tháng 9 trả lại” do ông Huỳnh Thanh T3 (cháu ruột bà C) viết dùm, riêng chữ ký và ghi họ tên “Huỳnh Thị C” là do bà C ký và viết họ tên. Bị đơn bà Huỳnh Thị C cho rằng bà không có vay số tiền 100.000.000 đồng của bà A. Trước đây bà C chỉ có hỏi miệng vay của bà A số tiền 100.000.000 đồng, nhưng ông Huỳnh Thanh T3 đã tự ý nhận của bà A số tiền 100.000.000 đồng và chỉ đưa lại cho bà số tiền 65.000.000 đồng, sau đó bà C đã trả lại cho bà A số tiền 65.000.000 đồng, bà không có lập bất kỳ biên nhận vay tiền nào với bà Diễm A nên bà không đồng ý trả tiền vay cho bà Diễm A.

[2.2] Xét kháng cáo của Bà Huỳnh Thị C kháng cáo yêu cầu được giám định lại chữ viết và màu mực tại Biên nhận nợ viết tay ngày 30/5/2019 AL. Hội đồng xét xử nhận thấy: tại kết luận giám định số 2057/C09B ngày 20/5/2021 của V - Bộ C2 kết luận: Chữ ký đứng tên “Huỳnh Thị C”, chữ viết, họ tên Huỳnh Thị C dưới mục “người mượn tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Huỳnh Thị C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người ký và viết ra. Tại Kết luận giám định số 138/2023/KL-KTHS ngày 13/3/2023 của Phòng K - Công an tỉnh B kết luận: Chữ viết “Huỳnh Thị C” tại dòng 10 (tính từ trên xuống) trên tài liệu có nội dung bắt đầu bằng chữ “Ngày 30/5/2019 AL...kết thúc...Huỳnh Thị C” (ký hiệu A) so với chữ viết mang tên Huỳnh Thị C trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M) do cùng một người viết ra. Mặt khác, bà C không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà. Do đó, căn cứ vào biên nhận nợ ngày 02/7/2019 (ngày 30/05/2019 âm lịch) thể hiện bà C có mượn của bà Diễm A số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán cho bà Diễm A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Diễm A, buộc bà C và ông P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tô Thị Diễm A, ông Dương Văn H số tiền nợ 100.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, bà C kháng cáo yêu cầu giám định lại chữ viết và màu mực tại Biên nhận nợ viết tay ngày 30/5/2019 AL là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị C yêu cầu được miễn án phí dân sự

sơ thẩm có giá ngạch, nhận thấy: Bà C sinh năm 1953, đã 71 tuổi. Theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009: “*Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên*”, do đó bà C thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà C phải liên đới cùng ông P chịu án phí sơ thẩm là không phù hợp với quy định nêu trên. Vì vậy, bà C kháng cáo yêu cầu được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm là có cơ sở nên được chấp nhận phần này. Ông P (chồng bà C) vẫn phải chịu án phí theo quy định.

[3] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị C là có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử (về phần miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với bà Huỳnh Thị C) nên được chấp nhận một phần.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị C, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 26/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa (về phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch), cụ thể: Bà Huỳnh Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định. Ông P (chồng bà C) phải chịu án phí theo quy định. Các nội dung khác của Quyết định bản án sơ thẩm giữ nguyên.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Huỳnh Thị C1 được chấp nhận một phần nên bà C1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị C;

Sửa một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 29/2024/DS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các Điều 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Diễm A. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn P

có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Tô Thị Diễm A, ông Dương Văn H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: 7.050.000đ (Bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), bà Huỳnh Thị C có nghĩa vụ nộp. Đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là:

4.1. Bà Huỳnh Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định. Ông Huỳnh Văn P có nghĩa vụ nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4.2. Hoàn trả cho bà Tô Thị Diễm A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004208 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Huỳnh Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt